

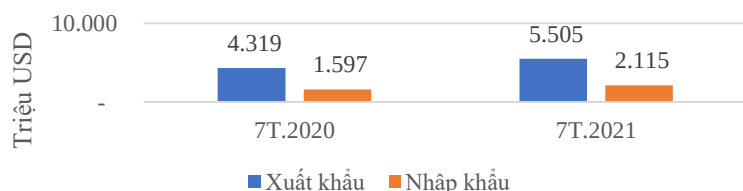
# BÁO CÁO TÌNH HÌNH XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG LÂM THỦY SẢN

## Thị trường **TRUNG QUỐC**



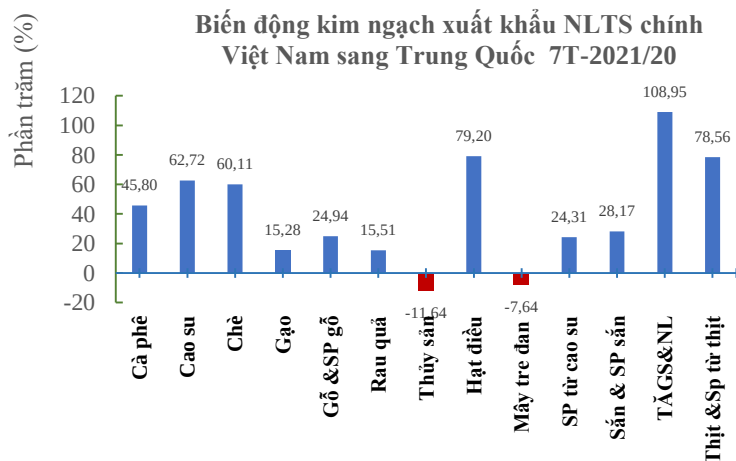
### TÌNH HÌNH CHUNG

#### Xuất khẩu và nhập khẩu NLTS Việt Nam - Trung Quốc



#### So sánh xuất nhập khẩu NLTS chính Việt Nam - Trung Quốc (7T- 2021/2020)

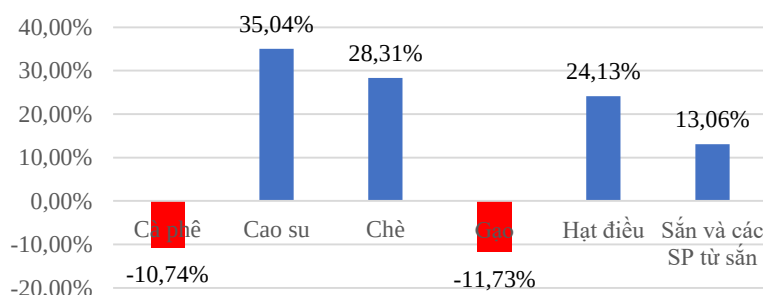
|           |          |
|-----------|----------|
| Xuất khẩu | ▲ 27,46% |
| Nhập khẩu | ▲ 32,44% |



#### So sánh 7T-2021/2020

|                 |            |
|-----------------|------------|
| Cà phê          | ▲ 45,80%   |
| Cao su          | ▲ 62,72 %  |
| Chè             | ▲ 60,11%   |
| Gạo             | ▲ 15,28 %  |
| Gỗ và SP gỗ     | ▲ 24,94%   |
| Rau quả         | ▲ 15,51%   |
| Thủy sản        | ▼ 11,64%   |
| Hạt điều        | ▲ 79,20%   |
| Máy tre đan     | ▼ 07,64%   |
| SP từ cao su    | ▲ 24,31 %  |
| Sắn và SP sắn   | ▲ 28,17%   |
| TĂGS và NL      | ▲ 108,95 % |
| Thịt&SP từ thịt | ▲ 78,56 %  |

#### Biến động giá xuất khẩu BQ 7.2021/T7.2020



#### So sánh giá xuất khẩu tháng 7.2021/2020

|              |          |
|--------------|----------|
| Cà phê       | ▼ 10,74% |
| Cao su       | ▲ 35,04% |
| Chè          | ▲ 28,31% |
| Gạo          | ▼ 11,73% |
| Hạt điều     | ▲ 24,13% |
| Sắn & SP sắn | ▲ 13,06% |

## TỔNG QUAN TÌNH HÌNH THỊ TRƯỜNG

Xuất khẩu nông lâm thủy sản (NLTS) chính của Việt Nam sang Trung Quốc trong 7 tháng đầu năm 2021 đạt 5,5 tỷ USD, tăng 27,46% so với cùng kỳ năm 2020; kim ngạch nhập khẩu NLTS từ Trung Quốc đạt 2,12 tỷ USD, tăng 32,44%. Tính riêng tháng 7/2021, kim ngạch xuất khẩu NLTS chính đạt 752,94 triệu USD, giảm 9,7% so với tháng trước và tăng 10,0% so với cùng kỳ năm 2020.

Các mặt hàng xuất khẩu chủ yếu của Việt Nam sang Trung Quốc trong tháng 7/2021 là cao su (chiếm 32,6%), rau quả (chiếm 15,7%), gỗ và sản phẩm từ gỗ (chiếm 14,5%), thủy sản (chiếm 11,2%), sắn và sản phẩm sắn (chiếm 9,3%). So với tháng 6/2021, hầu hết các mặt hàng NLTS có kim ngạch xuất khẩu giảm, nhiều nhất là thịt và sản phẩm thịt (giảm 58,1%), gạo (giảm 46,9%), cà phê (giảm 34,9%), mây tre đan (giảm 33,0%), rau quả (giảm 25,8%), ...; các mặt hàng có kim ngạch xuất khẩu tăng là cao su (tăng 29,9%) và chè (tăng 2,5%). So với cùng kỳ năm ngoái, hầu hết các mặt hàng có kim ngạch xuất khẩu tăng, nhiều nhất là thịt và sản phẩm từ thịt (cao gấp 33 lần), gạo (tăng 55,4%), chè (tăng 52,4%), thức ăn gia súc và nguyên liệu (tăng 50,5%), hạt điều (tăng 48,3%), cao su (tăng 20,6%), gỗ và sản phẩm gỗ (tăng 10,3%), rau quả (tăng 9,4%), ...; các mặt hàng có kim ngạch xuất khẩu giảm là mây tre đan (giảm 56,4%), thủy sản (giảm 25,8%), cà phê (giảm 13,5%), sản phẩm từ cao su (giảm 7,4%).  
*(Chi tiết tại phụ lục đính kèm)*

Theo số liệu từ Cục Thống kê Quốc gia Trung Quốc, doanh số bán lẻ của quốc gia này trong tháng 7/2021 tăng 8,5% so với cùng kỳ năm ngoái. Mức tăng trưởng này thấp hơn nhiều so với dự báo 11,5% mà Reuters thăm dò các nhà phân tích trước đó.

Sản xuất công nghiệp của Trung Quốc tăng 6,4% trong tháng 7/2021, thấp hơn kỳ vọng ở mức 7,8%. Trong 7 tháng đầu năm 2021, đầu tư tài sản cố định tăng 10,3% so với cùng kỳ năm ngoái, thấp hơn mức tăng dự đoán 11,3%. Tỷ lệ thất nghiệp ở các thành phố trong tháng 7 là 5,1%; tỷ lệ thất nghiệp ở những người từ 16 - 24 tuổi là 16,2%.

Sự gia tăng đột biến các ca nhiễm biến thể Delta lan rộng nhanh chóng kể từ khi bùng phát ở Nam Kinh vào tháng trước, dẫn đến việc thắt chặt các biện pháp kiểm soát ở nhiều tỉnh và làm dấy lên lo ngại về việc chi tiêu của người tiêu dùng sẽ tiếp tục giảm. Vào đầu tháng 7, Goldman Sachs đã cắt giảm dự báo tăng trưởng quý 3 từ 5,8% xuống 2,3%, đồng thời cắt giảm dự báo cả năm từ 8,6% xuống 8,3%.

Trong khi đó, các nhà phân tích của Morgan Stanley cắt giảm dự báo tăng trưởng GDP của Trung Quốc xuống 8,2% cho năm 2021, đồng thời nói rằng, sự bùng phát của đại dịch sẽ ảnh hưởng đến tăng trưởng tiêu dùng và ngành dịch vụ.

Theo chuyên gia của Capital Economics, mặc dù Ngân hàng Nhân dân Trung Quốc đã khởi động lại các nỗ lực để giảm chi phí đi vay, nhưng có rất ít dấu hiệu cho thấy họ có ý định nới lỏng các biện pháp kiểm soát định lượng đối với cho vay và đảo ngược tốc độ tăng trưởng tín dụng chậm lại gần đây, vốn sẽ ảnh hưởng đến chi tiêu vốn trong những quý tới.

Trang thương mại điện tử Pinduoduo là một trong những nền tảng nông nghiệp lớn nhất Trung Quốc, đã cam kết đóng góp 1,5 tỷ USD cho người trồng trọt và ngành nông nghiệp Trung Quốc. Công ty này muốn thúc đẩy các thực hành bền vững với môi trường và đầu tư vào hệ thống nông sản thực phẩm. Công ty đã công bố thành lập “Sáng kiến Nông nghiệp 10 tỷ nhân dân tệ” và cho biết họ sẽ trích 10 tỷ nhân dân tệ (1,5 tỷ USD) tiền lợi nhuận để tạo điều kiện thúc đẩy sự phát triển công nghệ nông nghiệp.

Theo báo cáo của các phương tiện truyền thông Trung Quốc, công ty bán lẻ và rang xay cà phê đặc sản có ảnh hưởng của Trung Quốc Seesaw Coffee đã nhận được khoản đầu tư 100 triệu nhân dân tệ (tương đương 15,4 triệu USD) từ chuỗi cửa hàng trà sữa HeyTea của Trung Quốc và các cổ đông của nó. Báo hiệu niềm tin vào cả sự phục hồi sau đại dịch và sự tăng trưởng liên tục của thị trường cà phê đặc sản của Trung Quốc, khoản đầu tư này thể hiện vai trò đầu tiên của HeyTea trong lĩnh vực cà phê. Công ty trà, bắt đầu với một cửa hàng duy nhất ở Giang Môn vào năm 2012, hiện có hơn 200 địa điểm bán lẻ.

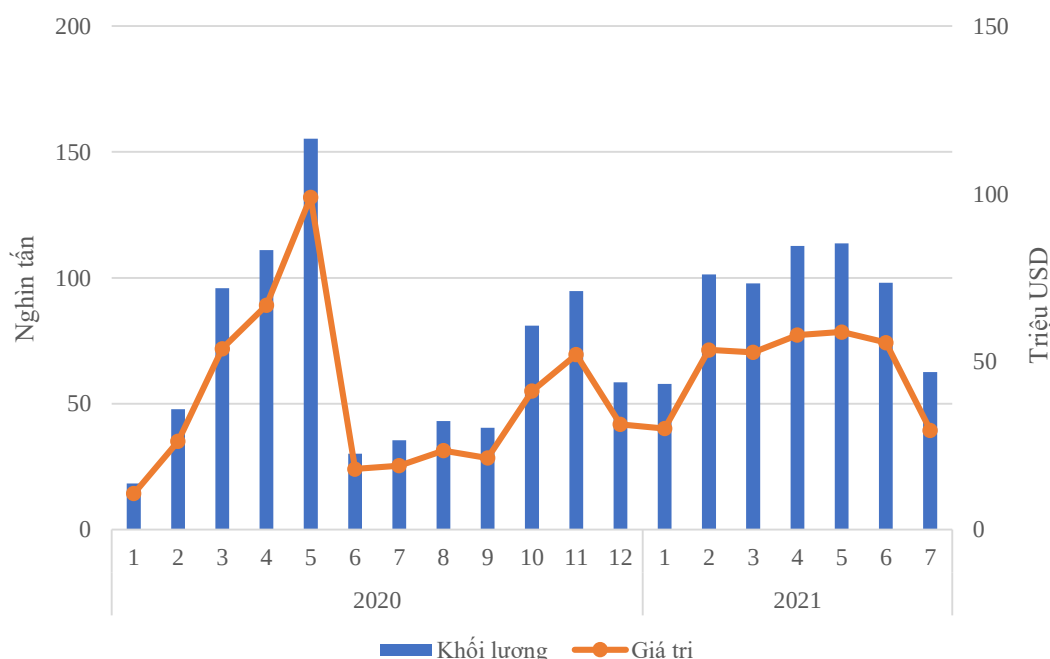
# CÁC MẶT HÀNG XUẤT KHẨU CHỦ LỰC

## 1. LÚA GẠO

Theo dự báo cập nhật tháng 8/2021 của USDA, sản lượng gạo của Trung Quốc trong năm 2020/21 tiếp tục được dự báo là sẽ đạt khoảng 148,3 triệu tấn, tăng 1,6 triệu tấn so với năm 2019/20. Về nhập khẩu, lượng gạo nhập khẩu của Trung Quốc năm 2020/21 ước đạt 2,8 triệu tấn, giảm 100 nghìn tấn so với năm 2019/20. Nguyên nhân chính là do dự trữ gạo của Trung Quốc hiện vẫn tương đối cao.

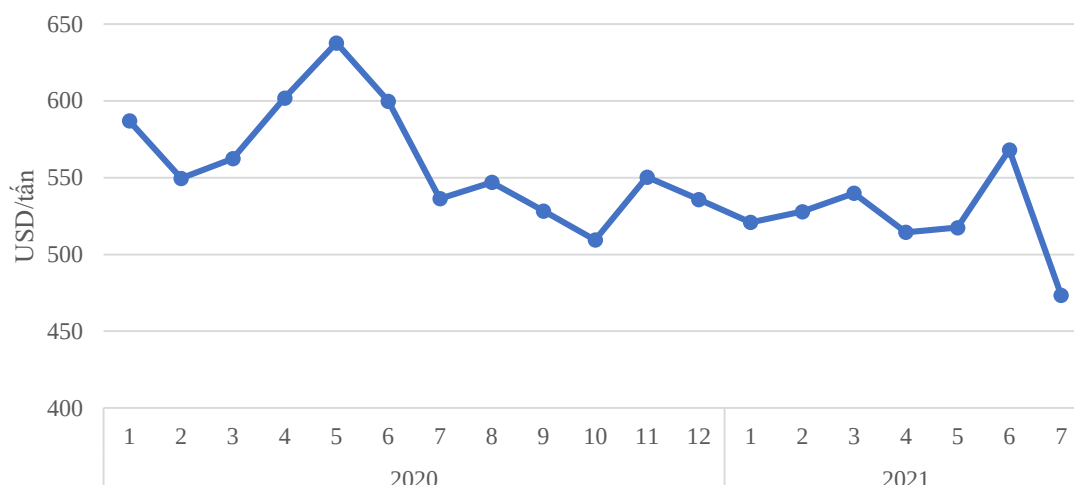
Theo Tổng cục Hải quan, trong tháng 7/2021, Việt Nam xuất khẩu được 62,5 nghìn tấn gạo, trị giá 29,6 triệu USD sang Trung Quốc giảm 36,3% về khối lượng và 46,9% về giá trị so với tháng trước, nhưng tăng 76,1% về khối lượng và 55,4% về giá trị so với cùng kỳ 2020. Tổng kim ngạch xuất khẩu sang thị trường này trong 7 tháng đầu năm 2021 đạt 643,4 nghìn tấn, trị giá 338,2 triệu USD, tăng 30,3% về khối lượng và 15,1% về giá trị so với cùng kỳ 2020.

**Hình 1: Khối lượng và giá trị xuất khẩu gạo sang Trung Quốc**



*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

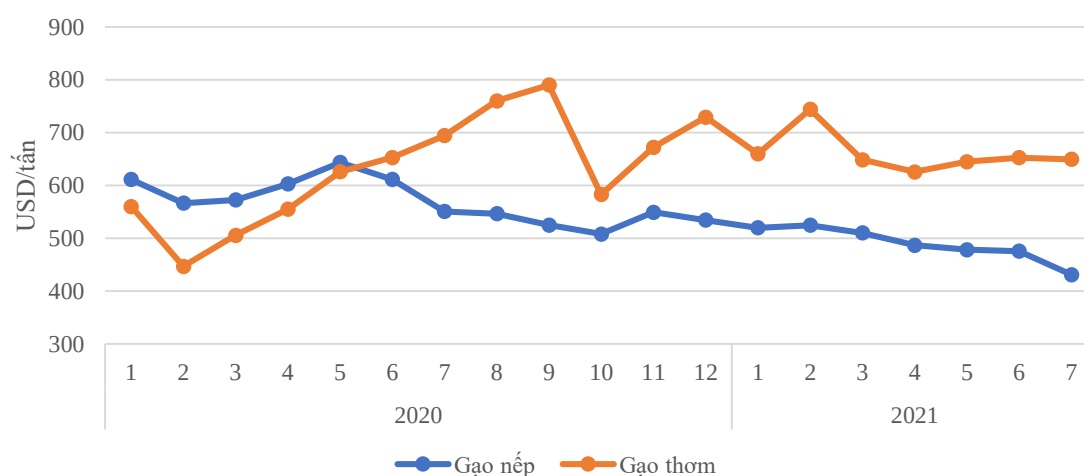
Giá xuất khẩu gạo trung bình sang thị trường Trung Quốc tháng 7/2021 đạt 473,4 USD/tấn, giảm 16.7% so với tháng trước và 11.7% so với cùng kỳ năm 2020.

**Hình 2: Giá xuất khẩu trung bình sang thị trường Trung Quốc**

*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

Trong tháng 7/2021, gạo nếp là mặt hàng xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam sang Trung Quốc với kim ngạch 45,0 nghìn tấn và 19,3 triệu USD (chiếm 71,9% về khối lượng và 65,3% về giá trị); so với cùng kỳ năm ngoái, xuất khẩu gạo nếp đã tăng 46,4% về khối lượng và 14,4% về giá trị. Gạo thơm đứng vị trí thứ hai với kim ngạch 11,7 nghìn tấn và 7,6 triệu USD (chiếm 18,7% về khối lượng và 25,6% về giá trị); so với cùng kỳ năm ngoái, xuất khẩu gạo nếp đã tăng mạnh so với mức 545 tấn và 329,2 nghìn USD.

Giá xuất khẩu gạo nếp đạt trung bình 431,0 USD/tấn, giảm 9,4% so với tháng trước và 21,7% so với cùng kỳ năm 2020. Giá xuất khẩu gạo thơm sang thị trường Trung Quốc tháng 7/2021 đạt 649,6 USD/tấn, giảm 0,5% so với tháng trước và 6,4% so với cùng kỳ năm ngoái.

**Hình 3: Giá xuất khẩu gạo nếp và gạo thơm sang thị trường Trung Quốc**

*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

Trong tháng 7/2021, top 3 công ty xuất khẩu nhiều sang thị trường Trung Quốc là Công ty TNHH Dương Vũ, Công ty TNHH Đầu tư Sản xuất Thương mại Dịch vụ Phan Minh, và Công ty CP Thương mại Đầu tư Tín Thương. Ba công ty này chiếm tỷ trọng lần lượt là 19,6%, 13,95% và 13,94% tổng kim ngạch xuất khẩu gạo sang thị trường Trung Quốc trong tháng 7/2021. So với cùng kỳ năm 2020, ba công ty đã tăng lần lượt 92,6%, 8366,4% và 108,8%.

## 2. SẢN VÀ SẢN PHẨM TỪ SẢN

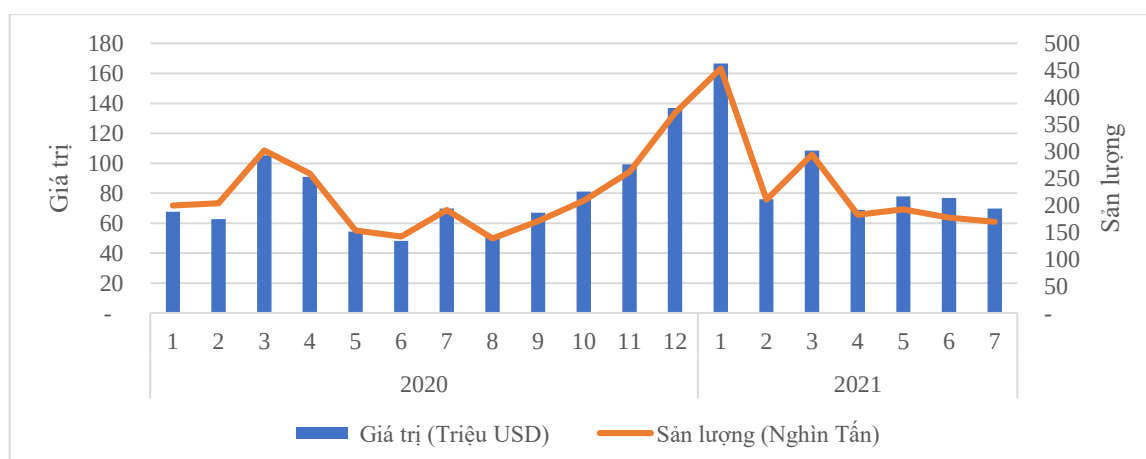
Theo Trung tâm Nghiên cứu Công nghệ nông nghiệp ngành sản Trung Quốc phân tích từ số liệu của Tổng cục Hải quan Trung Quốc, trong 7 tháng đầu năm 2021, nhập khẩu sản lát khô và tinh bột sản của Trung Quốc tăng đáng kể so với cùng kỳ năm ngoái. Theo đó, Trung Quốc đã nhập khẩu 3,6216 triệu tấn sản lát khô, với giá trị nhập khẩu là 994 triệu USD, tăng lần lượt là 63,91% và 100,67% so với cùng kỳ năm ngoái. Khối lượng và giá trị nhập khẩu sản lát khô trong 7 tháng đầu năm 2021 đều vượt cả năm 2020 (khối lượng đạt 3,3048 triệu tấn, trị giá nhập khẩu đạt 779 triệu USD). Khối lượng và giá trị nhập khẩu tinh bột sản lần lượt là 1,9512 triệu tấn và 923 triệu USD, tăng lần lượt 20,94% và 40,67% so với cùng kỳ năm ngoái.

Thái Lan là nguồn nhập khẩu sản lát khô lớn nhất của Trung Quốc trong 7 tháng đầu năm 2021, với lượng nhập khẩu đạt 3,1729 triệu tấn (chiếm 87,61% tổng lượng nhập khẩu), tăng 81,02% so với cùng kỳ năm ngoái. Tiếp theo là Việt Nam, khối nhập khẩu đạt 420.700 tấn (chiếm 11,62%), tăng 26,24%. Thái Lan và Việt Nam cũng là hai thị trường nhập khẩu tinh bột sản lớn nhất của Trung Quốc, trong đó lượng tinh bột sản nhập khẩu từ Thái Lan đạt 1,4488 triệu tấn (chiếm 74,25% tổng lượng nhập khẩu), tăng 58,83% so với cùng kỳ năm ngoái; tinh bột sản nhập khẩu từ Việt Nam đạt 289.900 tấn (chiếm 14,86%), giảm 55,44%.

Theo Tổng cục Hải quan, trong tháng 7/2021, Việt Nam xuất khẩu được 169,0 nghìn tấn sản và sản phẩm từ sản, trị giá 69,7 triệu USD sang thị trường Trung Quốc, giảm 4,5% về khối lượng và giảm 9,2% về giá trị so với tháng 6/2021; giảm 11,6% về khối lượng và giảm 0,005% về giá trị so với cùng kỳ 2020. Lũy kế 7 tháng đầu năm 2021, xuất khẩu sản và sản phẩm sản sang thị trường này đạt 1,6 triệu tấn, trị giá 636,0 triệu USD, tăng 14,2% về khối lượng và tăng 28,2% về giá trị so với cùng kỳ năm 2020.



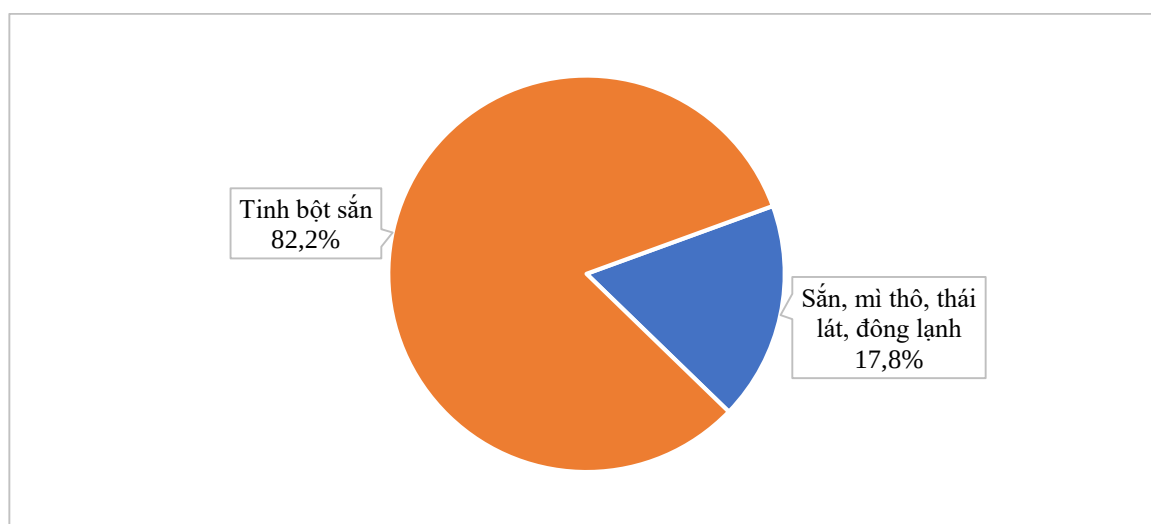
**Hình 4: Khối lượng và giá trị xuất khẩu sản và sản phẩm từ sản sang Trung Quốc**



*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

Về cơ cấu, thị trường Trung Quốc chiếm 97,2% về khối lượng và 96,1% về giá trị xuất khẩu sản của Việt Nam trong tháng 7 năm 2021. Trong đó, giá trị xuất khẩu tinh bột sắn đạt 57,3 triệu USD, chiếm 82,2% tổng giá trị xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc, giảm 10,2% so với cùng kỳ năm 2020; sắn lát, đông lạnh đạt 12,4 triệu USD (chiếm 17,8%), tăng 111,1%.

**Hình 5: Cơ cấu xuất khẩu sản sang thị trường Trung Quốc**



*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

Trong tháng 7/2021, top 3 công ty xuất khẩu nhiều sang thị trường Trung Quốc là Công ty CP Fococev Việt Nam, Công ty TNHH Minh Toàn Tây Ninh và Công ty CP Nông sản Thực phẩm Quảng Ngãi với tỷ trọng xuất khẩu lần lượt là 12,2%; 6,3% và 5,8%. So sánh với kim ngạch xuất khẩu cùng kỳ năm ngoái, Công ty CP Fococev Việt Nam tăng 13,3%, Công ty TNHH Minh Toàn Tây Ninh tăng 9,7% và Công ty CP Nông sản Thực phẩm Quảng Ngãi tăng 26,5%.

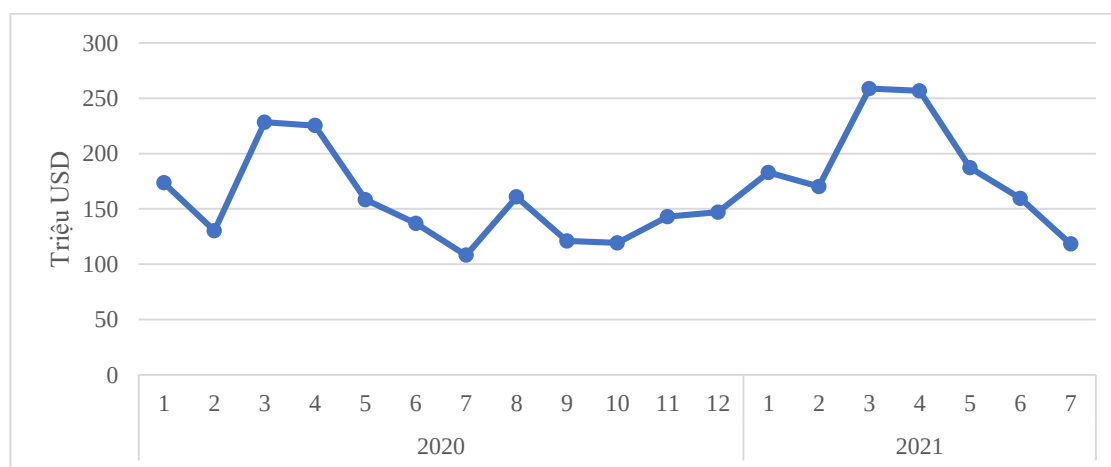
### 3. RAU QUẢ

Ngày 14/8, thành phố Cám Châu, tỉnh Giang Tây, Trung Quốc đã thông báo về mẫu bao bì bên ngoài sầu riêng nhập khẩu từ Thái Lan dương tính với biến chủng mới của SARS-CoV-2. Do sự gia tăng của dịch bệnh ở Thái Lan, Trung Quốc đã tăng cường các yêu cầu phòng chống dịch bệnh đối với trái cây Thái Lan. Nhà nhập khẩu trái cây hoặc đại diện của công ty nhập khẩu từ Thái Lan phải khử trùng container, nếu phát hiện virus Corona trong lô trái cây đầu tiên, phương tiện và hàng hóa của công ty sẽ bị cấm nhập cảnh trong vòng 10-15 ngày. Nếu sau đó lại phát hiện ra virus, phương tiện của công ty có liên quan sẽ bị cấm nhập khẩu vĩnh viễn.

Theo báo cáo của Bộ Nông nghiệp Hoa Kỳ (USDA), sản lượng bưởi của Trung Quốc được dự báo sẽ tăng nhẹ lên mức kỷ lục 5 triệu tấn do thời tiết thuận lợi và diện tích được mở rộng, tiêu thụ được dự báo ở mức cao kỷ lục và xuất khẩu tăng nhờ sản lượng tăng. Sản lượng quýt của Trung Quốc dự kiến sẽ tăng 1,0 triệu tấn lên mức kỷ lục 23 triệu tấn do thời tiết thuận lợi và diện tích cây trồng mở rộng nhanh chóng, tiêu thụ và xuất khẩu ước tính cũng đạt cao kỷ lục nhờ sự gia tăng nguồn cung. Các thị trường xuất khẩu quýt hàng đầu của Trung Quốc dự kiến sẽ bao gồm Philippines, Thái Lan và Việt Nam.

Giá trị xuất khẩu rau quả sang thị trường Trung Quốc tháng 7 năm 2021 đạt 118,3 triệu USD, chiếm 44,6% tổng giá trị xuất khẩu, giảm 25,8% so với tháng trước và tăng 9,4% so với cùng kỳ năm 2020. Tính chung 7 tháng đầu năm 2021, giá trị xuất khẩu rau quả sang Trung Quốc đạt 1,3 tỷ USD (chiếm 58,0% thị phần), tăng 15,5% so với cùng kỳ năm 2020.

**Hình 6: Giá trị xuất khẩu rau quả sang thị trường Trung Quốc**



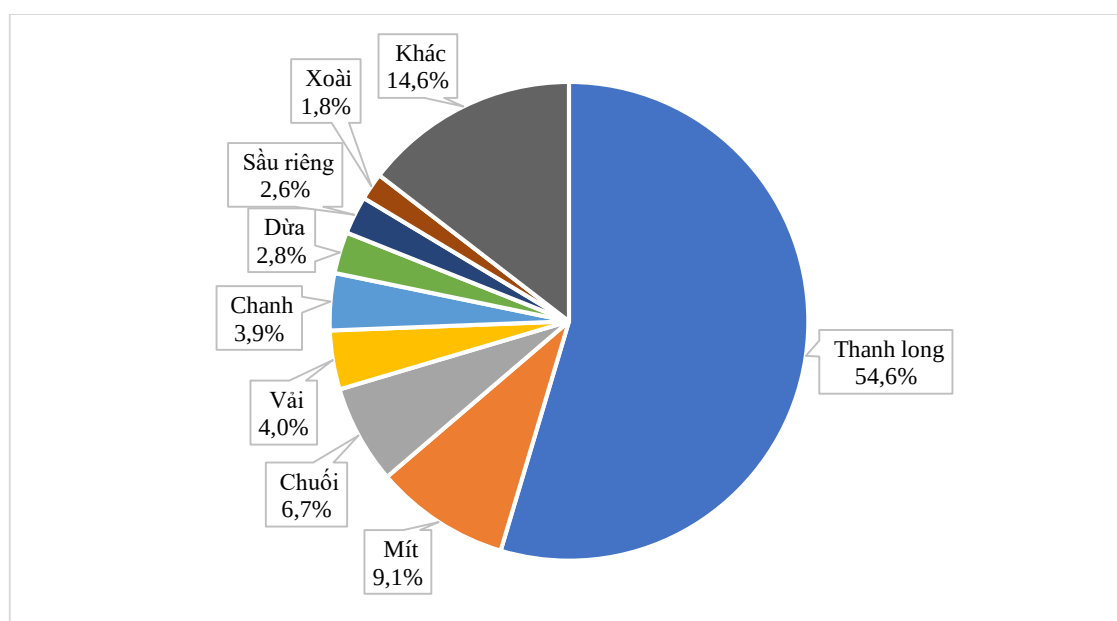
*Nguồn: Tổng cục Hải quan*



Cơ cấu xuất khẩu rau quả của Việt Nam sang Trung Quốc tháng 7 năm 2021, mặt hàng rau quả tươi, khô, đông lạnh, sơ chế đạt 98,8 triệu USD (chiếm 83,6% thị phần, tăng 0,2% so với cùng kỳ năm 2020) và rau quả chế biến đạt 19,4 triệu USD (chiếm 16,4%), tăng 105,1%. So sánh với cùng kỳ năm 2020, mặt hàng trái cây đông lạnh, sấy khô, dẻo (mã HS.2008) đạt 11,8 triệu USD, tăng 133,0%; nước ép, nước cốt trái cây (mã HS.2009) đạt 6,2 triệu USD, tăng 81,7%; mứt rau, quả (mã HS.2006) đạt 0,6 triệu USD, giảm 2,2%; v.v.

Trong tháng 7 năm 2021, các mặt hàng rau quả có giá trị xuất khẩu cao nhất bao gồm: thanh long đạt 64,6 triệu USD (chiếm 54,6% tổng giá trị xuất khẩu rau quả sang thị trường này), giảm 13,5% so với cùng kỳ năm 2020; mít đạt 10,8 triệu USD (chiếm 9,1%), tăng 64,9%; chuối đạt 7,9 triệu USD (chiếm 6,7%), tăng 1,9%; vải đạt 4,7 triệu USD (chiếm 4,0%), tăng 113,1%; chanh đạt 4,6 triệu USD (chiếm 3,9%), tăng 101,7%; dứa đạt 3,3 triệu USD (chiếm 2,8%), giảm 10,5%; v.v.

**Hình 7: Cơ cấu các loại rau quả chính xuất khẩu sang Trung Quốc tháng 7/2021**



*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

Giá trị nhập khẩu rau quả từ thị trường Trung Quốc tháng 7 năm 2021 đạt 39,9 triệu USD, chiếm 29,1% tổng giá trị nhập khẩu, tăng 19,9% so với cùng kỳ năm 2020. Giá trị nhập khẩu rau quả từ Trung Quốc trong 7 tháng đầu năm 2021 đạt 236,8 triệu USD (chiếm 28,6% thị phần), tăng 35,2% so với cùng kỳ năm 2020. Trong tháng 7, các mặt hàng Việt Nam nhập khẩu nhiều nhất từ thị trường này là: tỏi đạt 8,0 triệu USD (chiếm 20,2% tổng giá trị nhập khẩu), tăng 14,7% so với cùng kỳ năm trước; nấm các loại đạt 3,3 triệu USD (chiếm 8,4%), giảm 8,6%; cà rốt đạt 3,3 triệu USD (chiếm 8,3%), tăng 57,3%; hành các loại đạt 2,7 triệu USD (chiếm 6,7%), tăng 0,1%; v.v.

Trong tháng 7/2021, Top 3 công ty xuất khẩu nhiều sang thị trường Trung Quốc là Công ty Cổ phần Thực phẩm Dân Ôn, Công ty TNHH XNK Thương mại PLT và Công ty TNHH Thương mại Giao nhận Vận tải HNT với tỷ trọng xuất khẩu lần lượt là 5,0%; 2,9% và 2,5%. So sánh với cùng kỳ năm ngoái, kim ngạch xuất khẩu của Công ty Cổ phần Thực phẩm Dân Ôn tăng 411,8%; Công ty TNHH Thương mại Giao nhận Vận tải HNT cao gấp 110 lần. Trong khi Công ty TNHH XNK Thương mại PLT không xuất khẩu trong tháng 7/2020, nhưng đã đẩy mạnh được xuất khẩu trong tháng 7/2021.

#### 4. CÀ PHÊ

Theo báo cáo của các phương tiện truyền thông Trung Quốc, công ty bán lẻ và rang xay cà phê đặc sản của Trung Quốc Seesaw Coffee đã nhận được khoản đầu tư 100 triệu nhân dân tệ (tương đương 15,4 triệu đô la Mỹ) từ chuỗi cửa hàng trà sữa HeyTea của Trung Quốc. Khoản đầu tư này thể hiện vai trò đầu tiên của HeyTea (Công ty trà, bắt đầu với một cửa hàng duy nhất ở Giang Môn vào năm 2012, hiện có hơn 200 địa điểm bán lẻ) trong lĩnh vực cà phê, đồng thời báo hiệu niềm tin vào cả sự phục hồi sau đại dịch và sự tăng trưởng liên tục của thị trường cà phê đặc sản của Trung Quốc.

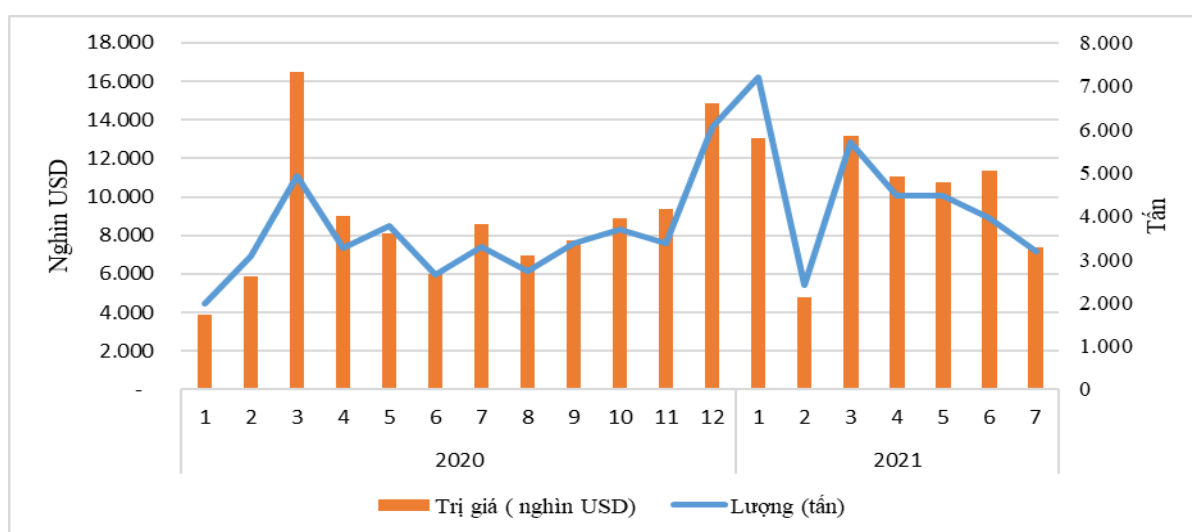
Trung Quốc là một trong mười thị trường nhập khẩu cà phê nhiều nhất của Ethiopia, với 20% doanh thu. Ethiopia đã xuất khẩu được 31.145,70 tấn cà phê các loại, trị giá 115,46 triệu USD trong tháng 7/2021, vượt kế hoạch 45%, Trung Quốc tiếp tục là thị trường mục tiêu của Ethiopia trong thời gian tới.

Sau khi dịch COVID-19 bùng phát, nhu cầu tiêu thụ đồ uống từ dừa tăng mạnh đến mức các chuỗi cà phê tên tuổi và các cửa hàng trà sữa của Trung Quốc cũng muốn đưa dừa vào trong đồ uống của mình do nhiều người tiêu dùng chuyển sang dùng các thực phẩm và đồ uống có lợi cho sức khỏe.

Trung Quốc là quốc gia nhập khẩu cà phê đứng thứ 13 của Việt Nam, chiếm khoảng 5% tổng lượng xuất khẩu cà phê của Việt Nam. Xuất khẩu cà phê của Việt Nam sang Trung Quốc tháng 7/2021 đạt 3.189 tấn, trị giá 7.402 triệu USD, giảm 19,62% về lượng và giảm 34,42% về giá trị so với tháng trước. So với cùng kỳ năm 2020, xuất khẩu cà phê giảm 3,07% về lượng và giảm 13,48% về giá trị.

Lũy kế 7 tháng đầu năm 2021, xuất khẩu đạt 31.418 tấn, trị giá 71,51 triệu USD, giảm 26,89 % về lượng và giảm 19,23% về giá trị so với cùng kỳ.

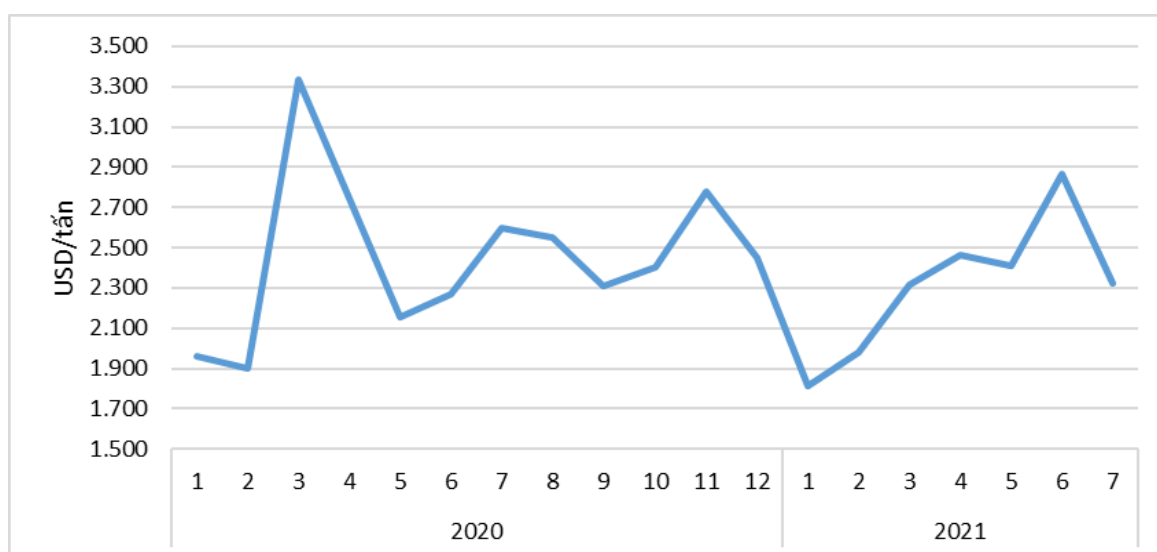
**Hình 8: Khối lượng và giá trị cà phê xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc**



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Tháng 7/2021, giá cà phê xuất khẩu bình quân sang thị trường Trung Quốc là 2.321 USD/tấn, giảm 19,03% so với tháng trước và giảm 10,74% so với cùng kỳ năm ngoái.

**Hình 9: Giá cà phê xuất khẩu bình quân sang thị trường Trung Quốc**

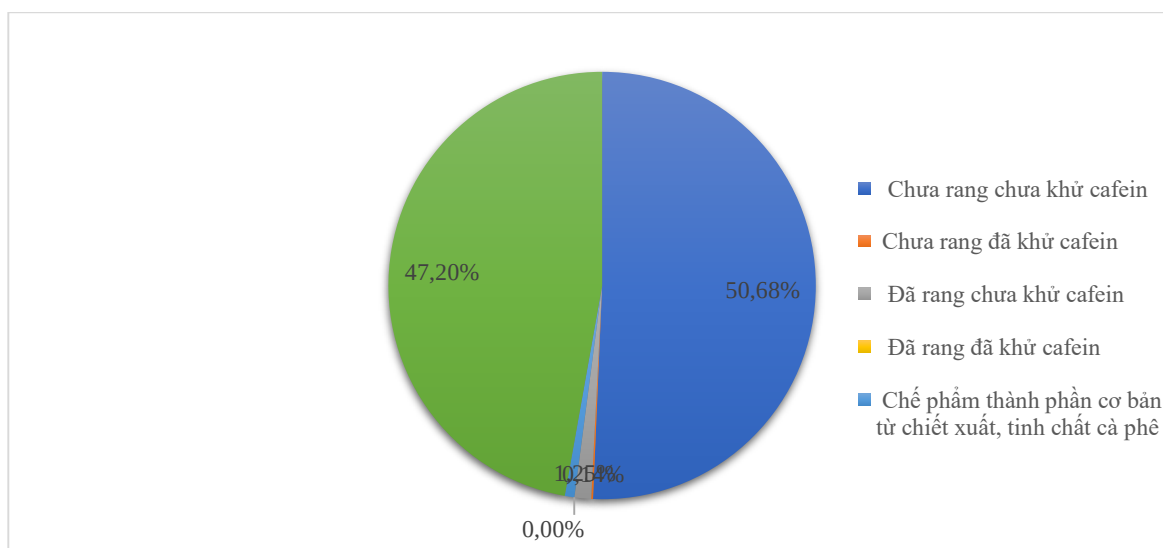


Nguồn: Tổng cục Hải quan

Về cơ cấu sản phẩm, tháng 7/2021, cà phê nhân chiếm tỷ trọng 53,06%, cà phê hòa tan, tinh chất, chiết xuất chiếm tỷ trọng 46,94%. Cùng kỳ năm 2020, tỷ lệ này lần lượt là 48,01% và 51,99%. Cơ cấu xuất khẩu cà phê của Việt Nam trong tháng 7/2021 cụ thể như sau: Cà phê chưa rang, chưa khử cafein đạt 3,8 triệu USD, chiếm tỷ trọng 52,38%, giảm 2,66% so cùng kỳ. Chế phẩm thành phần cơ bản từ chiết xuất, tinh chất cà phê đạt 1,73 triệu USD, chiếm 23,44%, giảm 26,92% so với cùng kỳ. Tinh chất,

chiết xuất cô đặc đạt 1,73 triệu USD, chiếm 23,5%, giảm 16,1% so cùng kỳ. Cà phê đã rang, chưa khử caffein đạt 50 nghìn USD, chiếm tỷ trọng 0,68%, giảm 59,6% so với cùng kỳ.

**Hình 10: Cơ cấu xuất khẩu cà phê sang thị trường Trung Quốc**



*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

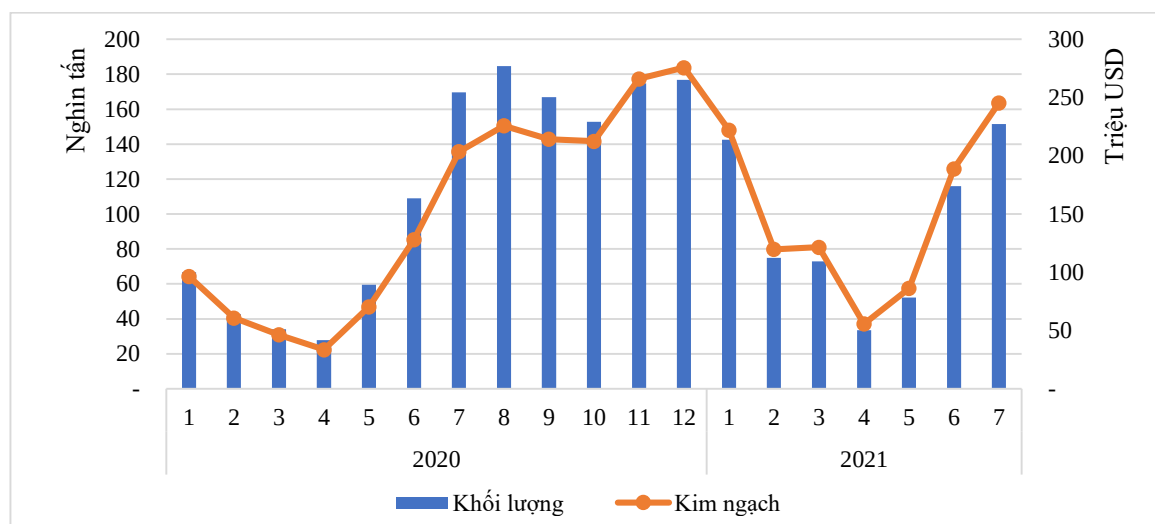
Trong tháng 7/2021, Top 3 công ty xuất khẩu nhiều sang thị trường Trung Quốc là: Công ty TNHH Dakman Việt Nam, Chi nhánh Công ty CP Tập Đoàn Trung Nguyên - Nhà Máy Cà Phê Sài Gòn, Công ty TNHH Thương mại và Chế biến Louis Dreyfus Việt Nam với thị phần lần lượt là: 29,43%; 27,62% và 8,46%.

## 5. CAO SU

Theo số liệu thống kê của Cơ quan Hải quan Trung Quốc, trong 6 tháng đầu năm 2021, nhập khẩu cao su (mã HS 4001, 4002, 4003, 4005) của Trung Quốc đạt 6,04 tỷ USD, tăng 29% so với cùng kỳ năm 2020. Thái Lan, Việt Nam, Malaysia, Hàn Quốc và Nhật Bản là 5 thị trường lớn nhất cung cấp cao su cho Trung Quốc.

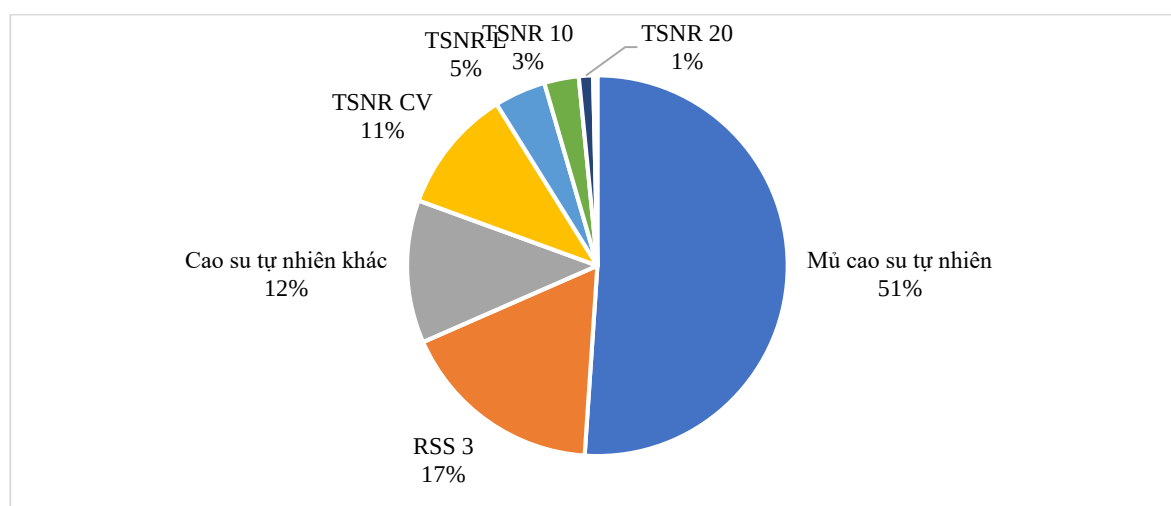
Trong 6 tháng đầu năm 2021, Việt Nam là thị trường cung cấp cao su lớn thứ hai cho Trung Quốc, đạt gần 868 triệu USD, tăng 70,2% so với cùng kỳ năm 2020. Thị phần cao su Việt Nam trong tổng trị giá nhập khẩu của Trung Quốc trong 6 tháng đầu năm 2021 chiếm 14,4%, tăng mạnh so với mức 10,9% của 6 tháng đầu năm 2020.

Theo Tổng cục Hải quan, tháng 7/2021, xuất khẩu cao su sang thị trường Trung Quốc ước đạt 151,5 nghìn tấn với trị giá 245,5 triệu USD, tăng 30,8% về khối lượng và 29,9% về giá trị so tháng trước, và giảm 10,7% về khối lượng nhưng tăng 20,6% về giá trị so với cùng kỳ 2020.

**Hình 11: Khối lượng và giá trị xuất khẩu cao su sang thị trường Trung Quốc**

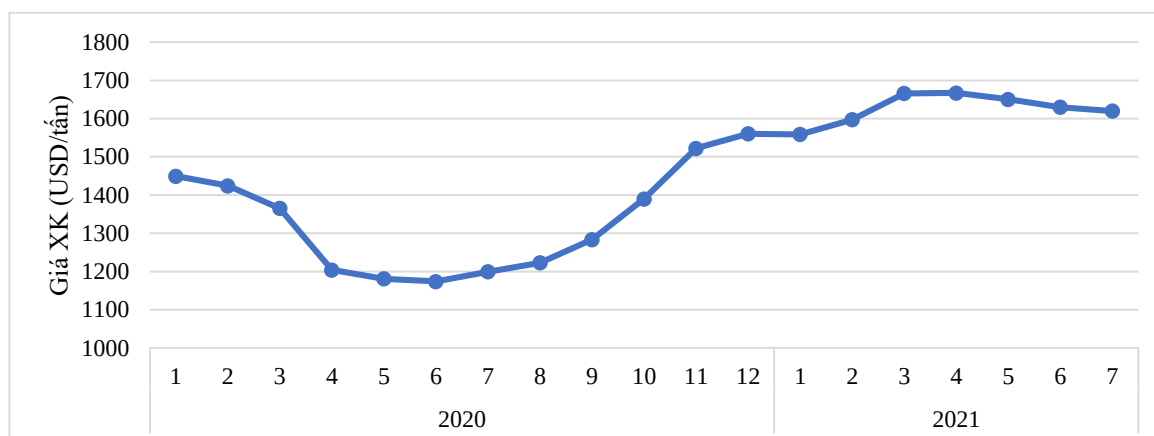
*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

Trong tháng 7/2021, mủ cao su tự nhiên là chủng loại cao su tự nhiên (mã HS 4001) có giá trị xuất khẩu lớn nhất sang thị trường Trung Quốc đạt 11,1 triệu USD, chiếm 51,1% tổng giá trị xuất khẩu. Đứng thứ hai là tấm cao su xông khói RSS 3 với kim ngạch 3,8 triệu USD, chiếm 17,4% tổng giá trị xuất khẩu. Tiếp theo là cao su đã định chuẩn kỹ thuật TSNR CV và cao su đã định chuẩn kỹ thuật TSNR L, chiếm lần lượt 10,6% và 4,4% tổng giá trị xuất khẩu sang Trung Quốc.

**Hình 12: Chủng loại cao su tự nhiên (mã HS 4001) xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc theo kim ngạch tháng 7/2021**

*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

Giá cao su xuất khẩu trung bình sang thị trường Trung Quốc giảm nhẹ trong tháng 7/2021 đạt mức 1.620 USD/tấn, giảm nhẹ 0,6% so với tháng trước nhưng tăng 35,0% so với cùng kỳ 2020.

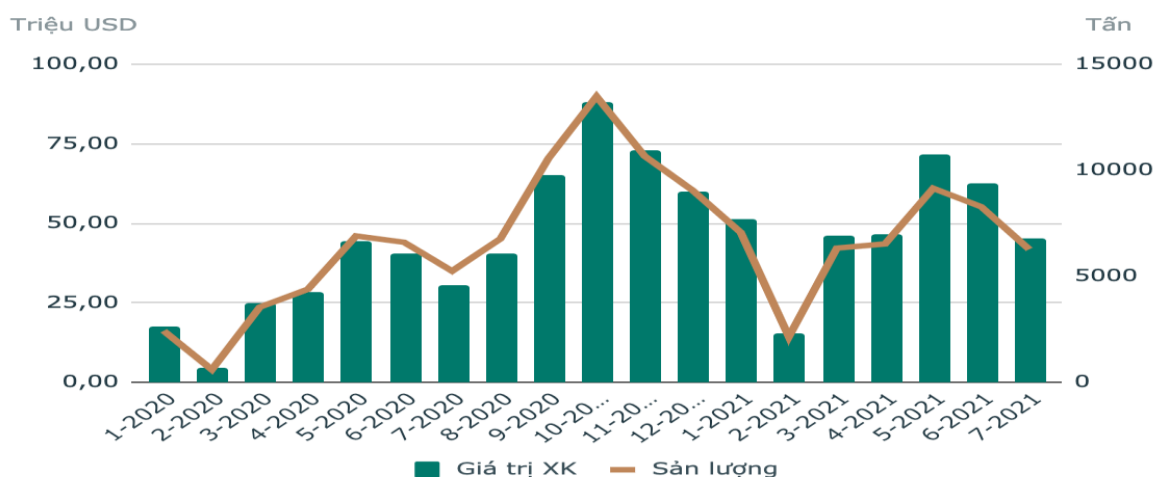
**Hình 13: Giá cao su tự nhiên xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc**

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 7/2021, Top 3 công ty xuất khẩu cao su sang thị trường Trung Quốc là Công ty TNHH Vạn Lợi, Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu tổng hợp Bình Phước và Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Vạn Năng. Ba công ty này chiếm tỷ trọng lần lượt 30,2%, 14,9% và 6,8% tổng kim ngạch cao su xuất khẩu sang thị trường Hoa Kỳ.

## 6. HẠT ĐIỀU

Theo Tổng cục Hải quan, trong tháng 7/2021, Việt Nam xuất khẩu điều sang thị trường Trung Quốc đạt 6,27 nghìn tấn, trị giá 45,24 triệu USD, tăng 19,5% về khối lượng và 48,3% về giá trị so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 7 tháng đầu năm 2021, giá trị xuất khẩu điều sang thị trường này đạt 339,17 triệu USD, tương ứng với 45,75 nghìn tấn, tăng 77,92% về giá trị và 54,01% về sản lượng so với cùng kỳ năm trước.

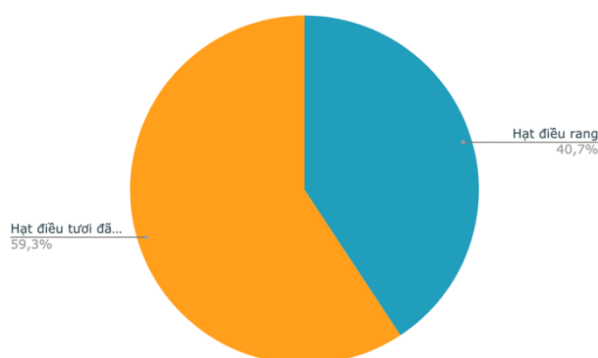
**Hình 14: Khối lượng và giá trị xuất khẩu điều sang thị trường Trung Quốc**

Nguồn: Tổng cục Hải quan



Xuất khẩu hạt điều sang thị trường này tiếp tục xu hướng giảm bắt đầu từ tháng 5/2021. So với tháng 6/2021, xuất khẩu hạt điều sang thị trường Trung Quốc giảm 27,9% về giá trị và 24,2% về sản lượng. Xuất khẩu điều tươi đã bóc vỏ vẫn chiếm tỷ trọng cao nhất trong các sản phẩm điều xuất khẩu sang thị trường này, chiếm 59,3%; hạt điều rang chiếm 40,7%.

**Hình 15: Cơ cấu giá trị hạt điều xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc tháng 7/2021**



So với tháng 7/2020

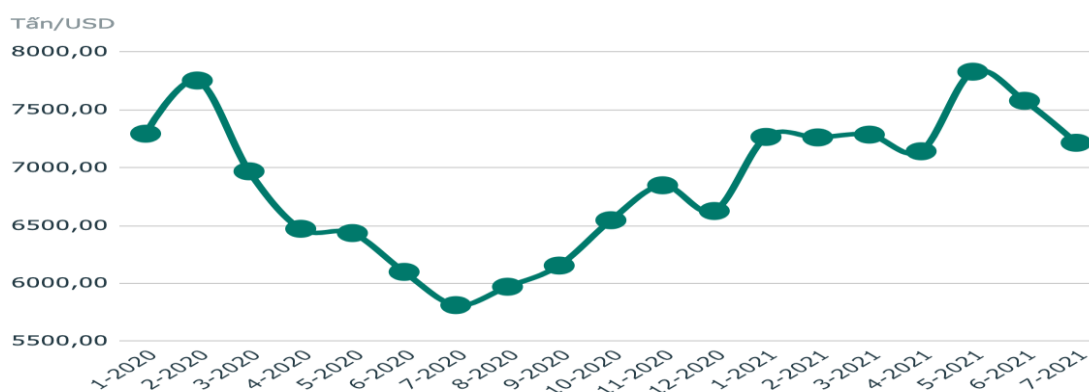
- Hạt điều tươi đã bóc vỏ đạt 25,05 (tr.USD) ▲ 15,5%
- Hạt điều rang đạt 18,19 (tr.USD) ▲ 138,1%

*Nguồn: Tính toán từ số liệu hải quan*

Xuất khẩu điều có xu hướng giảm so với tháng trước. Cụ thể, điều tươi đã bóc vỏ giảm tới 18,6% và điều rang giảm 35,8% so với tháng trước. Do dịch Covid đang bùng phát trở lại dẫn đến các doanh nghiệp khó khăn trong tổ chức sản xuất đáp ứng các đơn hàng xuất khẩu, giá cước vận tải tăng cao cũng tác động tới xuất khẩu.

Giá xuất khẩu điều trung bình sang thị trường Trung Quốc tháng 7/2021 có xu hướng giảm nhẹ. Cụ thể, giá xuất khẩu điều bình quân sang thị trường này đạt 7,21 nghìn USD/tấn, giảm 4,8% so với tháng trước nhưng tăng 24,1% so với cùng kỳ năm trước.

**Hình 16. Giá xuất khẩu trung bình sang thị trường Trung Quốc**



*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

Giá một số loại hạt điều cụ thể xuất khẩu sang thị trường này như sau: hạt điều tươi đã bóc vỏ đạt 6,09 USD/kg, tăng 20,1% so với cùng kỳ năm trước và giảm 1,9% so với tháng trước; điều rang đạt 8,759 USD/kg tăng 1,3% so với tháng 7/2020 và giảm 1,9% so với tháng 6/2021.

Tháng 7/2021, 3 công ty xuất khẩu điều lớn nhất sang thị trường này bao gồm: Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Golden Sun chiếm 15,91% tổng giá trị xuất khẩu điều sang thị trường này, Công ty Cổ phần Sơn Long chiếm 5,48%; và Công ty Cổ phần Hoàng Sơn I chiếm 5,16%.

## 7. THỊT VÀ CÁC SẢN PHẨM TỪ THỊT

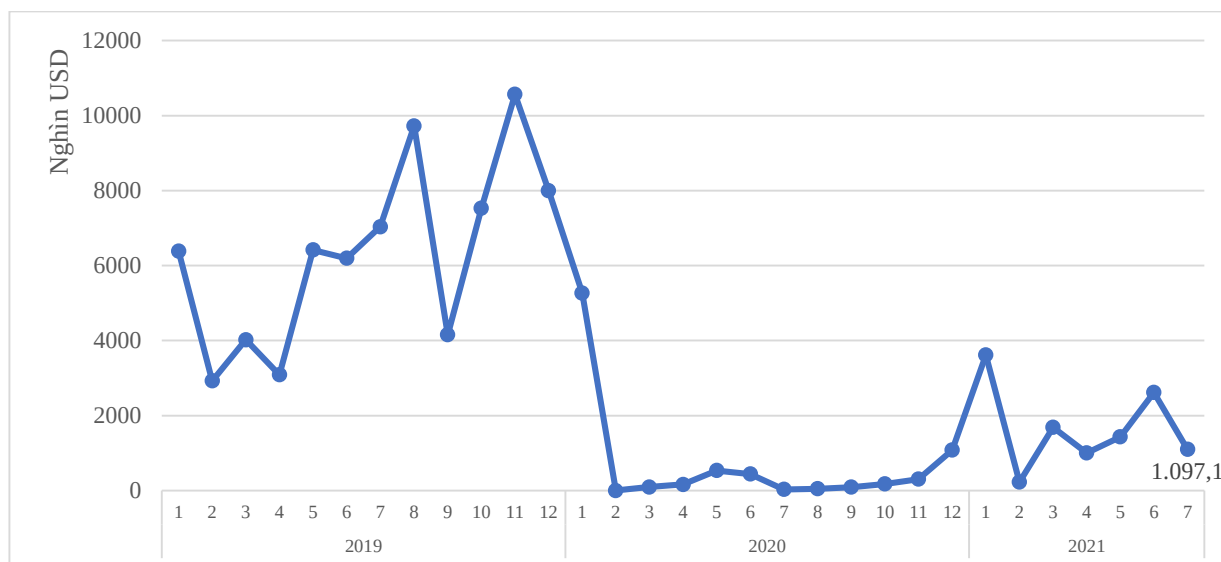
Từ đầu năm 2021, thị trường Trung Quốc đã chứng kiến một sự chuyển dịch mạnh mẽ từ tiêu thụ thịt gà sang tiêu thụ thịt lợn, do giá thịt lợn giảm và thói quen ưa thích tiêu dùng thịt lợn của người dân. Tuy nhiên, theo Tridge, dự kiến sản xuất và tiêu thụ thịt gia cầm sẽ tăng trở lại vào năm 2020, trong nửa đầu năm 2021, Trung Quốc đã nhập hơn 500 nghìn gà giống ông bà để tăng trữ lượng gà thương phẩm. Trung Quốc hiện đang đứng thứ 2 về sản lượng thịt gà với thị phần chiếm hơn 12% trong tổng sản lượng toàn cầu. Gà thịt lông trắng chiếm 50% tổng sản lượng gà thịt của Trung Quốc, gà thịt lông vàng chiếm 32%, gà lai (còn gọi là gà 817) 10% và gà đẻ 8%. Sản lượng thịt gà năm 2021 của Trung Quốc được dự báo là 15,3 triệu tấn, tăng 3% so với mức ước tính 14,9 triệu tấn vào năm 2020. Tương tự, tiêu thụ thịt gà được dự báo sẽ tăng 2% so với cùng kỳ năm trước. 15,7 triệu tấn.

Trong báo cáo thị trường thịt heo quý III/2021, Rabobank cho biến biến động lớn về giá thịt heo và thịt heo của Trung Quốc đã ảnh hưởng tới thị trường toàn cầu trong những tháng gần đây. Theo dữ liệu chính thức, tỷ lệ giết mổ của Trung Quốc bất ngờ đạt mức cao trong quý II/2021, đưa sản lượng thịt heo tăng 35,9% so với cùng kỳ năm ngoái trong nửa đầu năm nay. Nguồn cung tăng đột biến dẫn đến giá giảm mạnh và kết quả không tốt trong cả hoạt động chăn nuôi và kinh doanh nửa đầu năm 2021. Điều này khiến nhập khẩu thịt heo dẫn vào Trung Quốc trong quý III năm nay ở mức thấp

Trong tháng 7/2021, xuất khẩu thịt và sản phẩm chăn nuôi của Việt Nam sang thị trường Trung Quốc đạt 1,1 triệu USD, giảm 58% so với tháng trước, chiếm 11,5% tổng giá trị xuất khẩu sản phẩm thịt của Việt Nam trong tháng. Các sản phẩm xuất khẩu chủ yếu trong tháng 6 vẫn các mặt hàng chế biến như là các loại thịt chế biến như thịt trâu khô (82,7%) và các sản phẩm chế biến như gia cầm như chân gà, v.v.

Trong tháng 7, chỉ có 7 doanh nghiệp được ghi nhận có hoạt động xuất khẩu sản phẩm thịt sang thị trường Trung Quốc. Trong đó, 3 doanh nghiệp có giá trị xuất khẩu lớn nhất là Công ty Cổ Phần Chế biến XNK Thủy Sản Hải Phòng, Công ty TNHH Dịch Vụ và XNK Thành Long, và Công ty TNHH XNK Thảo Vân.

**Hình 17: Giá trị xuất khẩu thịt và sản phẩm từ thịt sang thị trường Trung Quốc**



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Về nhập khẩu, tổng giá trị nhập khẩu các sản phẩm thịt từ thị trường Trung Quốc của Việt Nam trong tháng 6/2021 đạt 133,3 nghìn USD, tăng 257% so với tháng trước, và giảm 81,8% cùng kỳ năm 2020. Sản phẩm nhập khẩu chủ yếu là ba ba sống.

## 8. THỦY SẢN

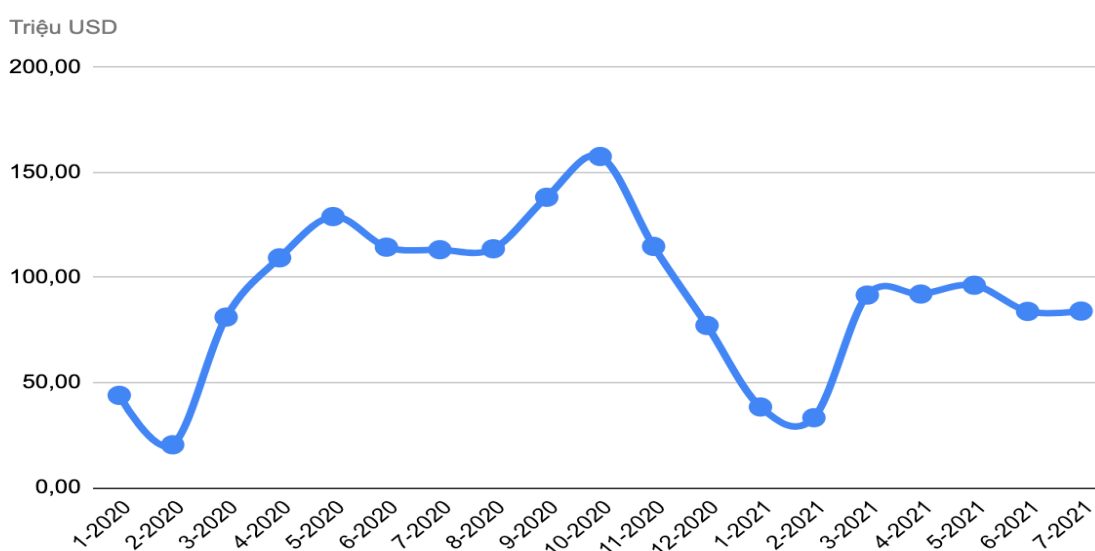
Theo số liệu thống kê của Trung tâm Thương mại Quốc tế (ITC), nhập khẩu tôm của Trung Quốc trong 6 tháng đầu năm 2021 đạt 2,56 tỷ USD, giảm 38% so với cùng kỳ năm 2020. Trong đó, Việt Nam là thị trường cung cấp tôm lớn thứ 4 cho Trung Quốc. Thị phần tôm Việt Nam trong tổng nhập khẩu của Trung Quốc giảm từ 4,76% trong 6 tháng đầu năm 2020, xuống còn 4,31% trong 6 tháng đầu năm 2021.

Giá thủy sản tại thị trường Trung Quốc tăng mạnh do nguồn cung thấp hơn nhu cầu. Theo Cục Thống kê Quốc gia Trung Quốc, giá bán buôn thủy sản nước ngọt ở Trung Quốc tăng 20% trong nửa đầu năm 2021. Chỉ số giá thủy sản chung đã tăng 17,2% trong 6 tháng đầu năm 2021 do nguồn cung bị thắt chặt. Các nhà sản xuất trong nước và các nhà nhập khẩu đang gặp khó khăn trong việc đáp ứng nhu cầu thị trường. Trong khi thủy sản đang trở nên phổ biến hơn với người tiêu dùng Trung Quốc như một lựa chọn thực phẩm lành mạnh, thì lại có một số yếu tố đang hạn chế sản xuất

bao gồm các chính sách bảo vệ môi trường mới, sự gián đoạn do Covid-19, thời tiết khắc nghiệt ở các khu vực trọng điểm, và tình trạng thiếu lao động, cùng với việc chi phí thức ăn chăn nuôi tăng. Giá thủy sản tại Trung Quốc tăng còn do nhập khẩu của nước này giảm vì dịch Covid-19. Cơ quan Hải quan Trung Quốc đã thiết lập một chế độ kiểm soát an toàn thực phẩm nghiêm ngặt để ngăn chặn Covid-19 xâm nhập vào nước này thông qua thực phẩm nhập khẩu, việc kiểm tra đã gây tắc nghẽn và làm nhập khẩu thủy sản của Trung Quốc giảm. Ngoài ra, chi phí vận chuyển hàng hóa cao, sự chậm trễ tại các cảng, tình trạng khan hiếm container lạnh và thiếu tài xế xe tải đang gây áp lực lên giá bán sản phẩm. Do đó, ngay cả khi giá cao hơn do nhu cầu ngày càng tăng, nhưng các nhà nhập khẩu Trung Quốc cũng khó tìm được nguồn cung do nhu cầu ở các thị trường tiêu dùng khác cũng cao.

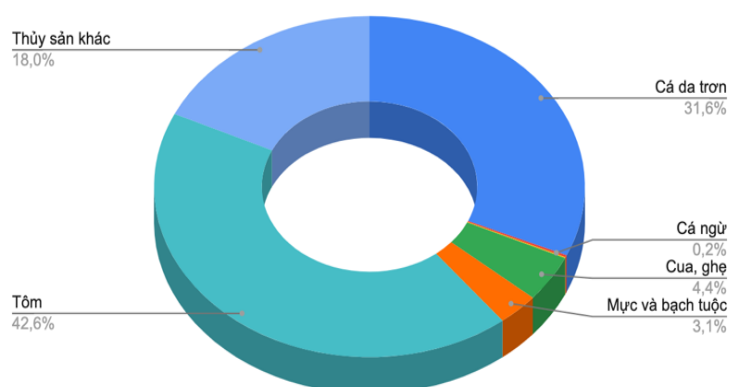
Theo Tổng cục Hải quan, xuất khẩu thủy sản sang thị trường Trung Quốc tháng 7/2021 đạt 84,05 triệu USD, giảm 25,80% so với cùng kỳ năm trước và tăng 0,2% so với tháng 6/2021, đưa tổng kim ngạch xuất khẩu 7 tháng đầu năm sang thị trường này đạt khoảng 526 triệu USD, giảm 14,01% so với cùng kỳ năm trước. Trung Quốc vẫn duy trì là thị trường xuất khẩu lớn thứ 3 của Việt Nam sau Hoa Kỳ, Nhật Bản, EU. Tôm và cá da trơn vẫn là 2 mặt hàng xuất khẩu chính trong tháng này: tôm chiếm 42,6%; cá da trơn chiếm 31,6%.

**Hình 18. Giá trị xuất khẩu thủy sản sang thị trường Trung Quốc**



*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

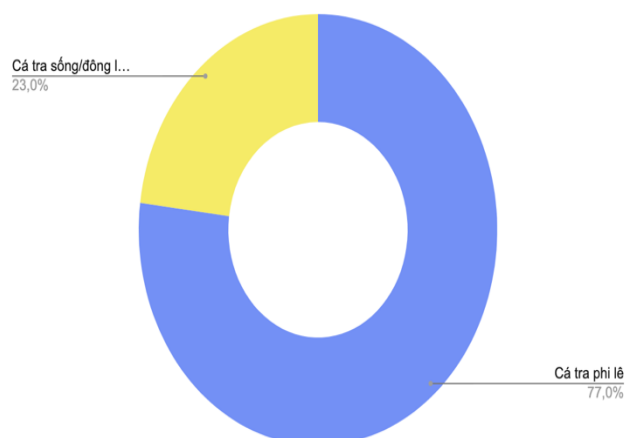
Xuất khẩu thủy sản sang thị trường Trung Quốc tiếp tục chịu tác động tiêu cực do dịch Covid lần thứ 4 bùng phát ở Việt Nam. Bên cạnh việc tác động tiêu cực đến sản xuất trong nước, sản phẩm thủy sản xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc cũng bị kiểm tra khắt khe hơn.

**Hình 19. Cơ cấu mặt hàng thủy sản xuất khẩu tháng 7/2021****SO VỚI THÁNG 7/2020**

- Cá da trơn đạt 26,57 triệu USD, ▼ 30,70%
- Tôm đạt 35,80 triệu USD, ▼ 26,10%
- Mực và bạch tuộc đạt 2,58 triệu USD, ▼ 26,10%
- Cua-ghẹ đạt 3,71 triệu USD, ▼ 50,7%
- Thủy sản khác đạt 15,14 triệu USD, ▲ 1,20%

Nguồn: Tính toán từ số liệu hải quan

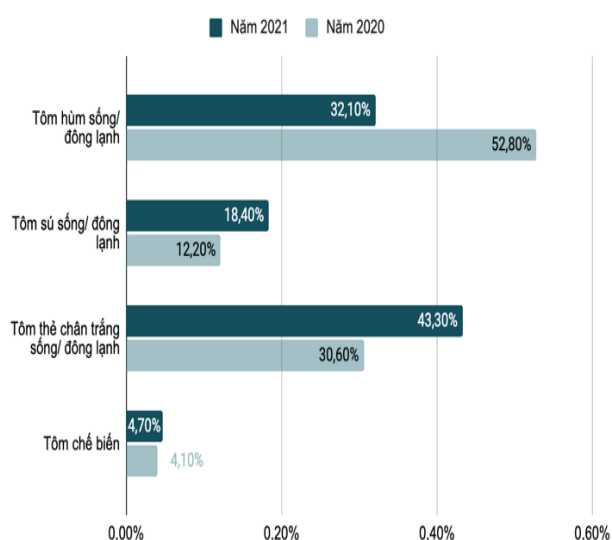
Cá da trơn vẫn là mặt hàng có giá trị xuất khẩu giảm mạnh trong tháng này, giá trị xuất khẩu đạt 26,57 triệu USD, chiếm 31,6% tổng giá trị thủy sản xuất khẩu sang thị trường này, giảm 30,7% so với cùng kỳ năm trước và giảm 17,5% so với tháng 6/2021.

**Hình 20. Cơ cấu xuất khẩu cá tra sang thị trường Trung Quốc tháng 7/2021****SO VỚI THÁNG 7/2020**

- Cá tra sống/đông lạnh trừ phi-lê đạt 6,11 (tr.USD), ▼ 19,7%
- Cá tra phi lê đạt 20,46 (tr.USD), ▼ 32,40%

Nguồn: Tính toán từ số liệu hải quan

Tương tự mặt hàng cá da trơn, xuất khẩu tôm sang thị trường này trong tháng 7/2021 có xu hướng giảm mạnh, giảm 26,1% so với cùng kỳ năm trước.

**Hình 21. Cơ cấu xuất khẩu tôm sang thị trường Trung Quốc tháng 7/2020-2021****SO VỚI THÁNG 7/2020**

- Tôm sú sống/đông lạnh đạt 6,59 (tr.USD), ▲ 11,40%
- Tôm thẻ chân trắng sống/đông lạnh đạt 15,5 (tr.USD), ▲ 4,60%
- Tôm hùm sống/đông lạnh đạt 12,04 (tr.USD), ▼ 55,10%
- Tôm chế biến đạt 1,67 (tr.USD), ▼ 15,6%

*Nguồn: Tính toán từ số liệu hải quan*

Về giá bình quân xuất khẩu một số mặt hàng thủy sản sang thị trường này tháng 7/2021 như sau: cá da trơn đạt 1,76 USD/kg, tăng 14,6% so với cùng kỳ năm trước và 0,6% so với tháng 6/2021. Tôm đạt 11,11 USD/kg, giảm 9,7% so với cùng kỳ năm 2020 và tăng 32,4% so với tháng trước. Cụ thể:

**Bảng 1. Giá xuất khẩu trung bình một số sản phẩm thủy sản tháng 7/2021**

| TT | Sản phẩm         | Giá (USD) | So năm trước (%) | So tháng trước (%) |
|----|------------------|-----------|------------------|--------------------|
| 1  | Cá da trơn       | 1,76      | 14,60%           | 0,60%              |
| 2  | Cua, ghẹ         | 1,92      | 12,30%           | 3,60%              |
| 3  | Mực và bạch tuộc | 6,95      | -20,10%          | 4,60%              |
| 4  | Tôm              | 2,59      | -11,40%          | 45,10%             |

*Nguồn: Tính toán từ số liệu hải quan*

Tháng 7 năm 2021, Top 3 công ty xuất khẩu nhiều sang thị trường Trung Quốc là Công ty TNHH hải sản Mai Sơn chiếm 8,3% tổng kim ngạch xuất khẩu thủy sản sang thị trường này; Công ty TNHH một thành viên sản xuất thương mại Anh Nhân chiếm 5,6%; Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn, chiếm 4,7%.

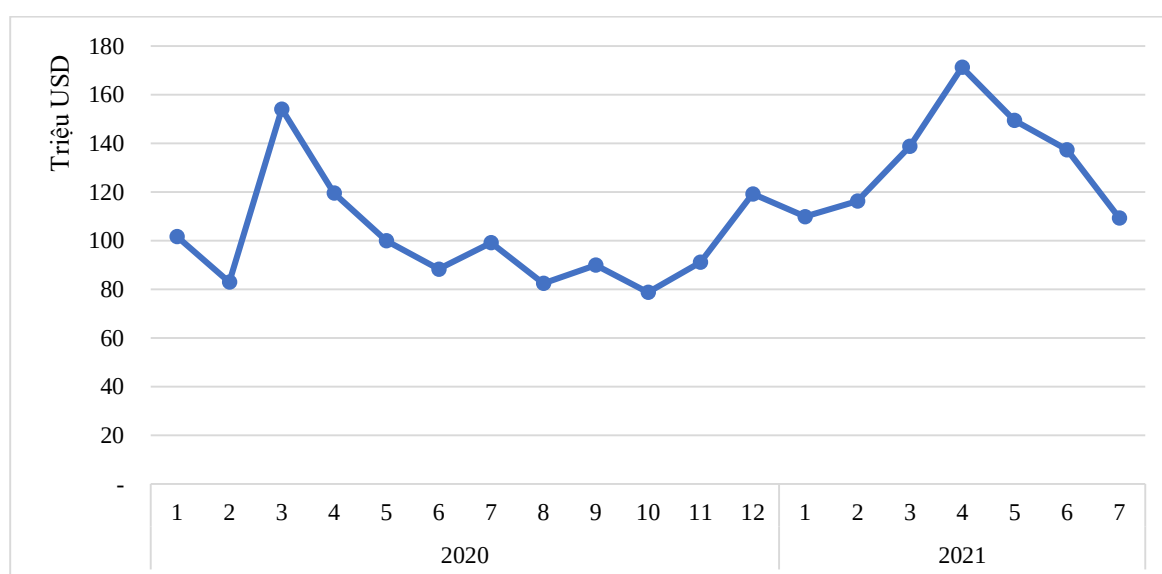
## 9. GỖ VÀ CÁC SẢN PHẨM TỪ GỖ

Theo Tổng cục Hải quan Trung Quốc, nhập khẩu gỗ tròn trong nửa đầu năm 2021 đạt 31,26 triệu m<sup>3</sup> với giá trị 5,265 tỷ USD, tăng 29% về khối lượng và 48% về giá trị. Giá nhập khẩu gỗ tròn trung bình đạt 167 USD/m<sup>3</sup>, tăng 15% so với cùng kỳ năm 2020.

Khối lượng nhập khẩu gỗ tròn của Trung Quốc từ hầu hết các thị trường đều ghi nhận mức tăng mạnh trong nửa đầu năm 2021. New Zealand vẫn duy trì là quốc gia cung cấp gỗ tròn lớn nhất cho Trung Quốc, chiếm khoảng 32% tổng nhập khẩu với 10,02 triệu m<sup>3</sup> trong nửa đầu năm 2021, tăng 58% so với cùng kỳ năm trước. Đức ở vị trí thứ hai với 6,43 triệu m<sup>3</sup>, tăng 95% so với cùng kỳ năm 2020.

Theo Tổng cục Hải quan, tháng 7/2021, kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ sang thị trường Trung Quốc ước đạt 109,3 triệu USD, giảm 20,4% so với tháng trước nhưng tăng 10,3% so với cùng kỳ năm 2020.

**Hình 22: Kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ sang thị trường Trung Quốc**

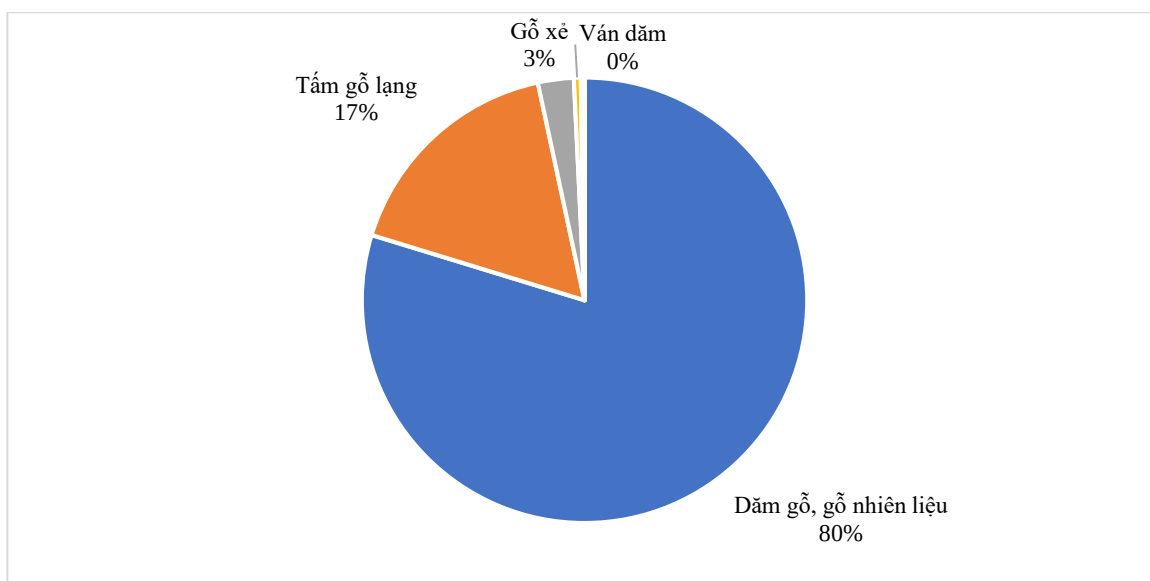


Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 7/2021, dăm gỗ, gỗ nhiên liệu là chủng loại gỗ và sản phẩm gỗ thuộc nhóm mã HS 44 có giá trị xuất khẩu lớn nhất sang thị trường Trung Quốc đạt 80,1 triệu USD, chiếm 79,7% tổng giá trị xuất khẩu. Đứng thứ hai là tấm gỗ lạng với kim ngạch 17,0 triệu USD, chiếm 16,9% tổng giá trị xuất khẩu. Tiếp theo là gỗ xẻ và ván dăm, chiếm lần lượt 2,6% và 0,5% tổng giá trị xuất khẩu sang Trung Quốc.



**Hình 23: Chủng loại gỗ và sản phẩm gỗ (mã HS 44) xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc theo kim ngạch tháng 7/2021**



*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

Trong tháng 7/2021, Top 3 công ty xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc là Công ty TNHH MTV Hào Hưng Quảng Ngãi, Công ty TNHH Hào Hưng và Công ty TNHH Thanh Thành Đạt. Ba công ty này chiếm tỷ trọng lần lượt là 16,0%, 12,3% và 11,0% tổng kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ thuộc nhóm mã HS 44 sang thị trường Trung Quốc.

# NHẬN ĐỊNH VÀ ĐÁNH GIÁ

## 1. Cà phê

Theo báo cáo mới nhất của USDA ra vào tháng 6/2021, nhập khẩu cà phê các loại của Trung Quốc niên vụ 2021/2022 đứng thứ 8 toàn cầu, ở mức là 3.350 nghìn bao, giảm 5,22% so với niên vụ 2020/2021, trong đó nhập khẩu cà phê nhân là 300 nghìn bao, tăng 9,09% so với niên vụ trước. Tiêu thụ nội địa tăng nhẹ, lên mức 3,65 triệu bao. Dự báo quy mô thị trường ngành cà phê Trung Quốc sẽ duy trì tốc độ tăng trưởng kép trung bình 10% từ năm 2021 đến năm 2026, và quy mô thị trường sẽ đạt gần 170 tỷ nhân dân tệ vào năm 2026. Các chuỗi cà phê đang có xu hướng cung cấp các sản phẩm có lợi cho sức khỏe như cà phê nước dừa vào danh mục các sản phẩm cà phê hiện có.

## 2. Rau quả

Theo Cục Xúc tiến thương mại (Bộ Công thương), xuất khẩu thanh long đang gặp khó do hiện nay các vùng trồng thanh long ở Nam bộ và Nam Trung bộ đang chịu tác động nặng của dịch Covid-19. Hoạt động sản xuất, thu hoạch và tiêu thụ gặp khó khăn, nhất là khi thị trường chủ lực Trung Quốc đang siết chặt kiểm dịch ở cửa khẩu (đóng một số cửa khẩu tiểu ngạch, tăng cường hình thức kiểm soát vận tải, lái xe); trong khi nhiều doanh nghiệp xuất khẩu thanh long nói riêng và các doanh nghiệp xuất khẩu trái cây khác nói chung chưa quen với hình thức xuất khẩu chính ngạch, chủ yếu vẫn duy trì kênh tiểu ngạch. Ngày 20/8/2021, Bộ Công Thương một lần nữa có văn bản số 5067/BCT-XNK đề nghị các doanh nghiệp chuyển nhanh, chuyển mạnh hoạt động xuất khẩu hàng hóa đi thị trường Trung Quốc sang hình thức chính ngạch và chỉ vận chuyển hàng lên biên giới khi đã có thỏa thuận với khách mua hàng (địa chỉ tiêu thụ rõ ràng). Đối với nông sản, cần phối hợp với bên mua để phân loại, đóng gói, sử dụng bao bì, nhãn mác phù hợp với yêu cầu của thị trường nhập khẩu ngay tại khâu sản xuất, đáp ứng các quy định về tiêu chuẩn chất lượng, vệ sinh an toàn thực phẩm, truy xuất nguồn gốc và mã số vùng trồng để giúp đẩy nhanh tiến độ thông quan.

## 3. Cao su

Dự báo Trung Quốc sẽ tiêu thụ 500.000 tấn cao su tự nhiên mỗi tháng từ tháng 8 cho tới tháng 11. Trong đó, khoảng 115.000 tấn được đáp ứng từ nguồn cung nội địa. Từ tháng 7 tới tháng 11 là giai đoạn cao điểm của sản xuất cao su tại Trung Quốc, tuy nhiên, quốc gia này vẫn thiếu 385.000 tấn cao su tự nhiên mỗi tháng. Theo đó, trong 4 tháng từ tháng 8 tới tháng 11, Trung Quốc cần nhập khẩu tổng cộng 1,54 triệu tấn cao su tự nhiên.

#### 4. Thủy sản

Nhu cầu tiêu thụ thủy sản trong nước của Trung Quốc đang tăng trưởng trở lại vào những tháng cuối năm. Tuy nhiên, người dân của nước này đang chuyển hướng tăng cường tiêu thụ sản phẩm thủy sản nội địa do lo ngại thủy sản nhập khẩu bị nhiễm virus Sars-Cov-2. Ngoài ra, xuất khẩu thủy sản sang thị trường này cũng đang gặp rất nhiều khó khăn. Nguyên nhân do việc quốc gia này đang đóng cửa một số cảng lớn (cảng Ninh Ba); kiểm tra khắt khe hơn với các sản phẩm thủy sản đông lạnh và nâng cao rào cản thương mại cho nhập khẩu cá tra. Do đó, dự báo xuất khẩu thủy sản sang thị trường này tiếp tục giảm trong những tháng tới.

Dịch Covid đang ảnh hưởng lớn đến sản xuất và chế biến thủy sản tại các tỉnh Đồng bằng Sông Cửu Long, kéo theo giá sản xuất và nguyên liệu đầu vào tăng. Các doanh nghiệp xuất khẩu cần có những kế hoạch và chiến lược cụ thể để đảm bảo được nguồn cung nguyên liệu và duy trì sản xuất nhằm hạn chế tối đa ảnh hưởng tiêu cực của dịch Covid 19.

#### 5. Gỗ và các sản phẩm từ gỗ

Tháng 7 hàng năm, ngành công nghiệp gỗ và sản phẩm gỗ của Trung Quốc bước vào kỳ suy giảm. Trong khi nhu cầu nội địa tiếp tục ổn định, các đơn hàng xuất khẩu giảm đáng kể. Giá nguyên liệu thô vẫn ở mức cao, trong khi tồn kho tiếp tục giảm và gánh nặng chi phí của ngành công nghiệp tăng.

## PHỤ LỤC

Bảng 2: Xuất khẩu NLTS chính của Việt Nam sang Trung Quốc tháng 7/2021

| Sản phẩm            | Tháng 7.2021<br>(USD) | Tăng/giảm so<br>T6/2021(%) | Tăng/giảm so<br>T7/2020(%) | Tỷ trọng<br>(%) |
|---------------------|-----------------------|----------------------------|----------------------------|-----------------|
| <b>Tổng XK NLTS</b> | <b>752.935.230</b>    | <b>-9,7%</b>               | <b>10,0%</b>               | <b>100,0%</b>   |
| Cà phê              | 7.402.439             | -34,9%                     | -13,5%                     | 1,0%            |
| Cao su              | 245.471.293           | 29,9%                      | 20,6%                      | 32,6%           |
| Chè                 | 1.670.304             | 2,5%                       | 52,4%                      | 0,2%            |
| Gạo                 | 29.594.393            | -46,9%                     | 55,4%                      | 3,9%            |
| Gỗ và SP Gỗ         | 109.321.513           | -20,4%                     | 10,3%                      | 14,5%           |
| Rau quả             | 118.261.655           | -25,8%                     | 9,4%                       | 15,7%           |
| Hàng thủy sản       | 84.052.115            | -7,1%                      | -25,8%                     | 11,2%           |
| Hạt điều            | 45.244.655            | -27,9%                     | 48,3%                      | 6,0%            |
| Mây tre đan         | 612.970               | -33,0%                     | -56,4%                     | 0,1%            |
| SP từ cao su        | 7.668.887             | -18,1%                     | -7,4%                      | 1,0%            |
| Sắn & SP sắn        | 69.716.124            | -9,2%                      | 0,0%                       | 9,3%            |
| TĂGS & NL           | 32.821.761            | -10,4%                     | 50,5%                      | 4,4%            |
| Thịt & SP Thịt      | 1.097.121             | -58,1%                     | 3218,6%                    | 0,1%            |

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 3: Giá trị xuất khẩu một số mặt hàng gạo sang Trung Quốc tháng 7/2021

| Loại sản phẩm     | Tháng 7/2020        |               | Tháng 7/2021        |               | So sánh 2021/2020<br>(%) |         |
|-------------------|---------------------|---------------|---------------------|---------------|--------------------------|---------|
|                   | Khối lượng<br>(tấn) | Giá trị (USD) | Khối lượng<br>(tấn) | Giá trị (USD) | Khối lượng               | Giá trị |
| Gạo nếp           | 30.725              | 16.896.515    | 44.969              | 19.337.026    | 46,4%                    | 14,4%   |
| Gạo thơm          | 545                 | 329.171       | 11.710              | 7.579.883     | 2050,5%                  | 2202,7% |
| Các loại gạo khác | 4.236               | 1.818.068     | 5.829               | 2.677.484     | 37,6%                    | 47,3%   |

Nguồn: Tổng cục Hải quan

**Bảng 4: Giá trị xuất khẩu một số loại cà phê chính sang Trung Quốc tháng 7/2021**

| Mặt hàng                                                   | T7/2020<br>(USD) | T7/2021<br>(USD) | So sánh<br>T7/2020 và<br>T7/2021 |
|------------------------------------------------------------|------------------|------------------|----------------------------------|
| <b>Tổng giá trị XK</b>                                     | <b>8.555</b>     | <b>7.402</b>     | <b>-13,48%</b>                   |
| Chưa rang chưa khử cafein                                  | 3.984            | 3.878            | -2,66%                           |
| Đã rang chưa khử cafein                                    | 124              | 50               | -59,60%                          |
| Chế phẩm thành phần cơ bản từ chiết xuất, tinh chất cà phê | 2.374            | 1.735            | -26,92%                          |
| Tinh chất, chiết xuất cô đặc                               | 2.073            | 1.739            | -16,10%                          |

Nguồn: Tổng cục Hải quan

**Bảng 5: Giá trị xuất khẩu một số loại rau quả chính sang Trung Quốc tháng 7/2021**

| Sản phẩm               | T7/2020<br>(USD)   | T7/2021<br>(USD)   | So sánh<br>T7.2021/T7.2020 |
|------------------------|--------------------|--------------------|----------------------------|
| <b>Tổng giá trị XK</b> | <b>108.129.549</b> | <b>118.261.655</b> | <b>9,4%</b>                |
| Thanh long             | 74.633.770         | 64.582.143         | -13,5%                     |
| Mít                    | 6.546.895          | 10.795.612         | 64,9%                      |
| Chuối                  | 7.746.341          | 7.890.191          | 1,9%                       |
| Vải                    | 2.206.508          | 4.702.603          | 113,1%                     |
| Chanh                  | 2.194.006          | 4.556.015          | 107,7%                     |
| Dừa                    | 3.706.874          | 3.317.821          | -10,5%                     |
| Sầu riêng              | 390.287            | 3.030.947          | 676,6%                     |
| Xoài                   | 629.458            | 2.173.997          | 245,4%                     |
| Ớt                     | 1.290.791          | 1.750.008          | 35,6%                      |
| Nhãn                   | 704.973            | 646.575            | -8,3%                      |
| Dưa hấu                | 43.974             | 59.894             | 36,2%                      |
| Chôm chôm              | 114.614            | 46.116             | -59,8%                     |
| Mãng cụt               | 134.497            | 23.576             | -82,5%                     |
| Khác                   | 7.786.563          | 14.686.158         | 88,6%                      |

Nguồn: Tổng cục Hải quan

**Bảng 6: Giá trị xuất khẩu thịt và sản phẩm từ thịt sang Trung Quốc tháng 7/2021**

| Sản phẩm                                       | T7/2020<br>(USD) | T7/2021<br>(USD)   | So sánh<br>T7.2021/T7.2020 |
|------------------------------------------------|------------------|--------------------|----------------------------|
| Thịt và phụ phẩm giết mổ của gia cầm           | 14.560,0         | 907.425,6          | 6132%                      |
| Thịt chế biến (xúc xích, hun khói, muối, v.v.) | 18.500,0         | 189.695,3          | 925%                       |
| <b>Tổng</b>                                    | <b>33.060,0</b>  | <b>1.097.120,9</b> | <b>3219%</b>               |

Nguồn: Tổng cục Hải quan

**Bảng 7: Xuất khẩu sản phẩm thủy sản sang thị trường Trung Quốc tháng 7/2021**

| Loại sản phẩm          | Tháng 7/2021<br>(USD) | Tháng 7/2020<br>(USD) | So sánh<br>2021/20 (%) |
|------------------------|-----------------------|-----------------------|------------------------|
| <b>Tổng giá trị XK</b> | <b>84.052.115,44</b>  | <b>113.267.168,00</b> | <b>-25,80%</b>         |
| Cá da trơn             | 26.566.783,50         | 38.348.698,77         | -30,70%                |
| Cá rô phi              | 65.548,80             | 543.962,60            | -87,90%                |
| Cua, ghe               | 3.707.489,49          | 7.514.939,60          | -50,70%                |
| Mực và bạch tuộc       | 2.579.903,40          | 3.489.222,54          | -26,10%                |
| Tôm                    | 35.797.323,91         | 48.409.778,29         | -26,10%                |
| Thủy sản khác          | 15.138.134,32         | 14.960.566,20         | 1,19%                  |

*Nguồn: Tổng cục Hải quan***Bảng 8: Xuất khẩu sản phẩm sắn và sản phẩm sắn sang thị trường Trung Quốc tháng 7/2021**

| Sản phẩm                         | T7.2020<br>(USD)  | T7.2021<br>(USD)  | So sánh<br>T7.2021/T7.2020 |
|----------------------------------|-------------------|-------------------|----------------------------|
| <b>Tổng giá trị XK</b>           | <b>69.719.372</b> | <b>69.716.124</b> | <b>-0,005%</b>             |
| Sắn, mì thô, thái lát, đông lạnh | 5.881.391         | 12.412.790        | 111,1%                     |
| Tinh bột sắn                     | 63.837.981        | 57.303.334        | -10,2%                     |

*Nguồn: Tổng cục Hải quan*